TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ ĐÔNG HÒA** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2024/DSST
Ngày: 30/9/2024
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐÔNG HÒA, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: ông Võ Xuân Huy.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Văn Thư và ông Lê Thanh Khảnh.

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Mỹ Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đông Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đông Hòa tham gia phiên tòa: ông Lê Ngọc Phong- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 09 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Đông Hòa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 151/2019/TLST - DS ngày 11 tháng 10 năm 2019 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Thông báo mở lại phiên tòa số 78/TB ngày 26 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 46/2024/QĐST-DS ngày 12 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã Đông Hòa giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP S; địa chỉ: 2 N, phường H, Quận C, TP .. Người đại diện theo pháp luật: bà Nguyễn Đức Thạch D – Tổng giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền: ông Cao Phi K – Giám đốc Ngân hàng TMCP S - chi nhánh P *(Văn bản uỷ quyền số 4023/2018/GUQ-PL ngày 10/12/2018).*

Ông Cao Phi K uỷ quyền cho bà Trương Thị Thu T – Chuyên viên Quản lý nợ Ngân hàng TMCP S - chi nhánh P *(Văn bản uỷ quyền số 292/2020/GUQ - CNPY ngày 26/6/2020)*. Có mặt.

- *Bị đơn:* anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 1990;

Địa chỉ: khu phố P, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày được tóm tắt như sau:***

Ngày 10/8/2017, anh Nguyễn Văn T1 có ký kết với Ngân hàng TMCP S Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 472074-1988 (số tài khoản thẻ 3482855081) và số 970403-9358 (số tài khoản 3877110043) ngày 11/8/2017, theo đó anh T1 được cấp thẻ tín dụng với hạn mức mỗi thẻ 15.000.000 đồng để sử dụng vào mục đích tiêu dùng cá nhân. Quá trình sử dụng thẻ tín dụng, anh T1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên đến ngày 31/12/2018 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ gốc quá hạn là 18.030.465 đồng. Tính đến ngày 30/9/2024, anh T1 còn nợ gốc 18.030.465 đồng, lãi quá hạn là 38.115.913 đồng, tổng cộng 56.146.378 đồng.

Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu anh T1 trả số tiền nợ trên và tiếp tục trả lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa các bên cho đến khi trả hết nợ.

* ***Bị đơn trình bày:*** Bị đơn vắng mặt nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuân theo đúng trình tự thủ tục pháp luật quy định, đảm bảo cho đương sự thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng thủ tục tố tụng; Người đại diện của nguyên đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn vắng mặt nên phải chịu hậu quả pháp lý về việc vắng mặt.

+ Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015; các Điều 100, 102, 103 Luật các tổ chức tín dụng cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh P. Buộc bị đơn anh Nguyễn Văn T1 phải có nghĩa vụ trả nợ vay cho Ngân hàng tính đến ngày 30/9/2024 là 56.146.378 đồng. Trong đó, nợ của thẻ tín dụng nội địa S1 - số tài tài khoản 3877110043 – số thẻ 970403-9358 là 23.508.400 đồng (nợ gốc 6.539.176 đồng, nợ lãi 16.969.224 đồng). Nợ thẻ tín dụng quốc tế số tài khoản 3482855081 – số thẻ 472074-1988 là 32.637.978 đồng (nợ gốc là 11.491.289 đồng, nợ lãi 21.146.689 đồng).

Kể từ ngày 01/10/2024 cho đến khi trả xong nợ gốc, anh Nguyễn Văn T1 còn phải trả lãi cho Ngân hàng TMCP S theo lãi suất thỏa thuận ghi trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng ngày 10/8/2017 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP S và anh Nguyễn Văn T1 cho đến khi trả hết nợ cho ngân hàng.

+ Về án phí: Anh Nguyễn Văn T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền đã nộp tạm ứng án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về hợp đồng tín dụng giữa pháp nhân với cá nhân không có mục đích kinh doanh là tranh chấp về hợp đồng dân sự quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại khu phố P, phường H, thị xã Đ nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã Đông Hòa thụ lý thuộc thẩm quyền.

Bị đơn anh Nguyễn Văn T1 đã được Tòa án nhân dân thị xã Đông Hòa triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt, nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

[2.1] Hiệu lực của hợp đồng tín dụng:

Các hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng *(kiêm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng)* số 472074-1988 (số tài khoản thẻ 3482855081) và số 970403-9358 (số tài khoản 3877110043) ngày 11/8/2017, có nội dung và hình thức phù hợp với quy định pháp luật, là hợp đồng hợp pháp, có hiệu lực thi hành.

[2.2] Căn cứ các Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân số 472074-1988 (số tài khoản thẻ 3482855081) và số 970403-9358 (số tài khoản 3877110043) ngày 11/8/2017, anh Nguyễn Văn T1 sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP S và thực hiện giao dịch đối với thẻ số 472074-1988 (số tài khoản thẻ 3482855081) là 11.491.289 đồng và với thẻ số 970403-9358 (số tài khoản 3877110043) là 6.539.176 đồng, tổng số tiền của 02 thẻ là 18.030.465 đồng và trong quá trình thanh toán thì vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Đến ngày 31/12/2018, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu của anh T1 sang nợ quá hạn.

HĐXX xét căn cứ theo quy định tại điều 22 về số tiền phải thanh toán, điều 23 nguyên tắc thanh toán, điều 25 cách tính lãi trong hạn và điều 26 vi phạm của Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của ngân hàng thương mại cổ phần S có hiệu lực từ ngày 04/02/2018, việc ngân hàng xác định số tiền gốc anh T1 còn nợ và số tiền lãi là đúng.

Tính đến ngày 30/9/2024 thì dư nợ gốc: đối với thẻ số 472074-1988 (số tài khoản thẻ 3482855081) nợ gốc là 11.491.289 đồng, lãi quá hạn là 21.146.689 đồng; đối với thẻ số 970403-9358 (số tài khoản 3877110043) nợ gốc là 6.539.176 đồng, lãi quá hạn 16.969.224 đồng, tổng cộng 02 thẻ là nợ gốc 18.030.465 đồng, lãi quá hạn là 38.115.913 đồng, tổng tiền nợ gốc và lãi của 02 thẻ là 56.146.378 đồng, nên nguyên đơn khởi kiện anh T1 trả nợ là có căn cứ. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện, buộc bị đơn anh T1 phải trả nợ gốc của 02 thẻ là 18.030.465 đồng, nợ lãi quá hạn của 02 thẻ là 38.115.913 đồng.

[2.3] Kể từ ngày 01/10/2024 cho đến khi trả xong nợ gốc, anh Nguyễn Văn T1 còn phải trả lãi trên nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận của Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân số 472074-1988 (số tài khoản thẻ 3482855081) và số 970403-9358 (số tài khoản 3877110043) ngày 11/8/2017 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP S và anh T1.

[3] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền còn phải trả cho nguyên đơn. Hoàn trả cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự 2015; các Điều 100, 102, 103 Luật các tổ chức tín dụng.

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn anh Nguyễn Văn T1 phải trả nợ vay cho Ngân hàng TMCP S số tiền nợ là 56.146.378 đồng. Trong đó, nợ của thẻ số 472074-1988 (số tài khoản thẻ 3482855081): nợ gốc là 11.491.289 đồng, lãi quá hạn là 21.146.689 đồng; nợ của thẻ số 970403-9358 (số tài khoản 3877110043): nợ gốc là 6.539.176 đồng, lãi quá hạn 16.969.224 đồng.

Kể từ ngày 01/10/2024 cho đến khi trả xong nợ gốc, còn phải trả lãi trên nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận của Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân số 472074-1988 (số tài khoản thẻ 3482855081) và số 970403-9358 (số tài khoản 3877110043) ngày 11/8/2017 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP S và anh T1.

- Về án phí:

Anh Nguyễn Văn T1 phải nộp 2.807.318 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền 565.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014183 ngày 07 tháng 10 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đông Hòa.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- VKSND TX. Đông Hòa;
- TAND Phú Yên;
- Chi cục THADS TX. Đông Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Xuân Huy